

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: MS/CV-PSD

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2020

V/v: CBTT BCTC hợp nhất Quý II năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phân Phối Tổng Hợp Dầu Khí**
2. Mã chứng khoán: **PSD**
3. Địa chỉ trụ sở chính: P.207, Tòa nhà PetroVietnam, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
4. Điện thoại: 028.39115578 Fax: 028.39115579
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông PHAN HẢI ÂU
6. Nội dung của thông tin công bố
 - Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2020 của CTCP Dịch Vụ Phân Phối Tổng Hợp Dầu Khí lập ngày 20/07/2020 bao gồm BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - Công văn giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý II năm 2020.
 - Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.psd.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



PHAN HẢI ÂU

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~113A~~/CV-PSD
V/v: Giải trình chênh lệch KQKD trên
báo cáo hợp nhất quý II năm 2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2020

Kính gửi: - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Phòng Quản lý niêm yết

Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí

Địa chỉ : Phòng 207, Tòa nhà Petrovietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0305482862

Mã giao dịch chứng khoán: PSD

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (Công ty PSD) xin giải trình báo cáo
kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý II năm 2020 có sự thay đổi như sau:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019	Tăng/giảm (%)
Doanh thu	1,612,333,870,424	1,334,959,248,695	21%
Lợi nhuận sau thuế	10,897,797,370	13,963,750,320	-22%

Nguyên nhân là do tình hình kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch Ncov19 vì vậy trong quý báo cáo
Công ty đã tính toán trên nguyên tắc thận trọng và trích lập dự phòng công nợ phải thu quá
hạn của một số khách hàng nhằm bảo toàn vốn kinh doanh và giúp cho Công ty có nguồn tài
chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra theo quy định về tuổi nợ và đánh giá nợ tại Điều 6,
thông tư 48/2019/TT-BTC và đảm bảo cho doanh nghiệp phản ánh giá trị của các khoản nợ
phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Bằng công văn này, Công ty PSD xin giải trình cho Sở giao dịch chứng khoán được rõ.
Trân trọng kính chào!

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI
TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT



PHAN HẢI ÂU



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Địa chỉ: Phòng 207, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM
Mã số thuế: 0305482862

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II NĂM 2020**

Tháng 07 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		2,942,209,142,779	1,933,229,902,108
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	199,698,011,215	228,556,640,652
1. Tiền	111		82,898,011,215	106,956,640,652
2. Các khoản tương đương tiền	112		116,800,000,000	121,600,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	15,461,557,200
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	33,575,490,833
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(18,113,933,633)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,033,189,711,583	846,839,306,627
1. Phải thu khách hàng	131		1,028,111,884,509	715,728,592,064
2. Trả trước cho người bán	132		4,400,142,459	2,059,774,333
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136		37,091,386,546	155,324,574,635
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(36,413,701,931)	(26,273,634,405)
IV. Hàng tồn kho	140	6	1,587,020,512,619	794,365,047,233
1. Hàng tồn kho	141		1,599,070,206,968	806,661,259,925
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12,049,694,349)	(12,296,212,692)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		122,300,907,362	48,007,350,396
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,202,185,245	1,170,284,594
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		118,908,055,067	45,536,308,152
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	9	2,190,667,050	1,300,757,650
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		85,777,719,447	19,954,111,906
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,053,223,310	3,096,791,310
2. Phải thu dài hạn khác	216		3,053,223,310	3,096,791,310
II. Tài sản cố định	220		2,518,985,629	3,077,509,809
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	2,424,346,812	2,955,564,548
- Nguyên giá	222		13,491,658,154	14,326,757,496
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11,067,311,342)	(11,371,192,948)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	94,638,817	121,945,261
- Nguyên giá	228		1,039,529,000	1,039,529,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(944,890,183)	(917,583,739)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		66,800,000,000	-
1. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		68,150,000,000	1,350,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1,350,000,000)	(1,350,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		13,405,510,508	13,779,810,787
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		974,260,508	392,310,787
2. Lợi thế thương mại	269		12,431,250,000	13,387,500,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3,027,986,862,226	1,953,184,014,014

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,661,485,334,763	1,613,668,399,183
I. Nợ ngắn hạn	310		2,661,206,941,494	1,613,390,005,914
1. Phải trả người bán	311		1,090,286,457,636	623,116,082,172
2. Người mua trả tiền trước	312		7,166,732,224	5,573,212,662
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	4,152,603,612	4,931,094,371
4. Phải trả người lao động	314		11,477,201,507	18,325,616,238
5. Chi phí phải trả	315	10	9,042,003,738	4,568,416,198
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	121,540,211,678	85,978,162,713
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	12	1,409,984,130,939	863,110,821,400
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7,557,600,160	7,786,600,160
II. Nợ dài hạn	330		278,393,269	278,393,269
1. Phải trả dài hạn khác	333		278,393,269	278,393,269
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		366,501,527,463	339,515,614,831
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	366,501,527,463	339,515,614,831
1. Vốn điều lệ	411		306,826,230,000	306,826,230,000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(1,170,000,000)	(1,170,000,000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		48,016,729,299	17,444,906,565
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	439		12,828,568,164	16,414,478,266
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3,027,986,862,226	1,953,184,014,014



Nguyễn Văn Nghĩa
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 07 năm 2020



Phan Hải Âu
Kế toán trưởng



Vũ Tiến Dương
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019	Từ ngày 1/1/2020 đến 30/06/2020	Từ ngày 1/1/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1,612,333,870,424	1,334,959,248,695	3,491,283,340,941	2,862,823,917,077
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		21,481,555,838	9,227,471,672	44,604,456,726	23,781,678,676
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,590,852,314,586	1,325,731,777,023	3,446,678,884,215	2,839,042,238,401
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		1,517,395,976,612	1,264,518,857,150	3,299,144,011,186	2,717,814,462,176
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73,456,337,974	61,212,919,873	147,534,873,029	121,227,776,225
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	8,435,950,684	7,176,973,516	12,591,731,742	12,665,132,919
7. Chi phí tài chính	22	15	12,999,289,059	15,674,980,096	30,194,795,995	26,210,917,148
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		14,171,031,895	11,536,751,012	27,978,548,690	22,777,962,988
8. Chi phí bán hàng	24		33,610,177,471	26,130,429,921	62,539,033,866	52,449,999,881
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21,713,626,080	9,872,992,280	31,611,415,097	22,427,657,177
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,569,196,048	16,711,491,092	35,781,359,813	32,804,334,938
11. Thu nhập khác	31		1,126,556,685	391,069,241	1,553,225,090	588,114,029
12. Chi phí khác	32		456,347,476	37,251,218	2,484,235,373	44,034,806
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		670,209,209	353,818,023	(931,010,283)	544,079,223
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14,239,405,257	17,065,309,115	34,850,349,530	33,348,414,161
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	3,341,607,887	3,101,558,795	7,864,436,898	6,437,540,052
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10,897,797,370	13,963,750,320	26,985,912,632	26,910,874,109
<i>Trong đó:</i>						
<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	61		(2,255,414,255)	(524,077,265)	(3,585,910,102)	(1,407,874,378)
<i>Lợi ích của cổ đông của Công ty</i>	62		13,153,211,625	14,487,827,585	30,571,822,734	28,318,748,487
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	430	568	998	1,110

Nguyễn Văn Nghĩa
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 07 năm 2020

Phan Hải Âu
Kế toán trưởng



Vũ Tiến Dương
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2020	Từ ngày 01/01/2019
		đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34,850,349,530	33,348,414,161
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,578,822,542	1,637,257,346
Các khoản dự phòng	03	8,085,295,512	(1,379,124,093)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2,829,630,806)	(8,854,181,468)
Chi phí lãi vay	06	27,978,548,690	22,571,761,461
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	69,663,385,468	47,324,127,407
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(364,692,904,646)	196,643,417,374
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(792,408,947,043)	(156,726,023,608)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	626,594,770,597	(46,280,519,622)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(626,950,878)	141,840,269
Tiền lãi vay đã trả	13	(28,306,566,751)	(25,337,060,913)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8,497,344,706)	(10,151,783,615)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	13,100,506	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(450,232,054)	(319,900,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(498,711,689,507)	5,294,097,292
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(867,131,208)	(432,086,599)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(66,800,000,000)	828,078,757
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17,269,624,733	-
4. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	2,875,806,606	10,381,779,989
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(47,521,699,869)	10,777,772,147
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,669,565,029,954	1,769,494,475,918
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,121,853,270,415)	(2,152,489,843,022)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(30,336,999,600)	(38,272,602,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	517,374,759,939	(421,267,969,104)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(28,858,629,437)	(405,196,099,665)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	228,556,640,652	514,862,645,793
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	199,698,011,215	109,666,546,128



Nguyễn Văn Nghĩa
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 07 năm 2020



Phan Hải Âu
Kế toán trưởng



Vũ Tiến Dương
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí - được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Nghị quyết số 28/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 6 số 0305482862 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh sửa đổi tiếp theo do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, trang thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy vi tính, thiết bị, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, hàng may mặc; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; bán lẻ hàng lưu niệm; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ logistic; quảng cáo; sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.